**ĐỀ CƯƠNG ÔN THI ĐỊA 9 HỌC KÌ 2 NĂM HỌC 2018-2019**

**Bài 31:**

**VÙNG ĐÔNG NAM BỘ**

**Nội dung**

I. **Vị trí địa lí và giới hạn lãnh thổ:**

* Diện tích: 23. 550km2.
* Đông Nam Bộ giáp Cam-pu-chia, Đồng bằng sông Cửu Long, Tây Nguyên, Duyên hải Nam Trung Bộ và vùng biển giàu tài nguyên.
* **Ý nghĩa**: nhiều thuận lợi cho phát triển kinh tế, giao lưu với các vùng xung quanh và với quốc tế.

II/ **Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên:**

- Đặc điểm: độ cao địa hình giảm dần từ tây bắc xuống đông nam, giàu tài nguyên.

- Thuận lợi: nhiều tài nguyên để phát triển kinh tế: đất badan, khí hậu cận xích đạo, biển nhiều hải sản, nhiều dầu khí ở thềm lục địa.

- Khó khăn: trên đất liền ít khoáng sản, nguy cơ ô nhiễm môi trường.

III/ **Đặc điểm dân cư – xã hội**

- Dân cư đông, MĐDS khá cao, tỉ lệ dân thành thị cao nhất nước; thành phố HCM là một trong những thành phố đông dân nhất nước.

-Thuận lợi:

+ Lực lượng lđ dồi dào, thị trường tiêu thụ rộng lớn, người lao động có tay nghề cao, năng động.

+ ĐNB có nhiều di tích LS, VH có ý nghĩa lớn để phát triển du lịch.

*? Vì sao phải bảo vệ và phát triển rừng đầu nguồn, hạn chế ô nhiễm nước của các dòng sông ?*

(Lưu vực S.ĐN là lưu vực hầu như phủ kín lãnh thổ ĐNB. Do đất trồng cây CN chiếm tỉ lệ lớn, đất rừng không còn nhiều nên nguồn sinh thuỷ bị hạn chế. Như vậy việc bảo vệ rừng đầu nguồn làm nguồn sinh thuỷ là rất quan trọng. Phần hạ lưu do đô thị hoá và CN mạnh mà có nguy cơ ô nhiễm nước cuối nguồn các dòng sông ngày càng mạnh mẽ. Từ đó suy ra phải hạn chế ô nhiễm nước của các dòng sông ở ĐNB.

**Bài 32:**

**VÙNG ĐÔNG NAM BỘ (TT)**

**Nội dung**

I. **Tình hình phát triển KT**:

1**. Công nghiệp**:

- Là thế mạnh của vùng cơ cấu SXCN cân đối, đa dạng bao gồm các ngành quan trọng: khai thác dầu khí, cơ khí, điện tử, CN cao, chế biến LTTP xuất khẩu, hàng tiêu dùng.

- CN – XD tăng trưởng nhanh chiếm tỷ trọng lớn nhất (59,3% ) trong GDP của vùng, cao hơn cả nước.

- CN tập trung chủ yếu ở TPHCM (50% ), Biên Hoà, Bà Rịa – VT.

2. **Nông nghiệp**:

* Chiếm tỉ trọng nhỏ nhưng giữ vai trò quan trọng.
* Trồng trọt: ĐNB là *vùng* trọng điểm cây CN nhiệt đới của nước ta

+ Cây công nghiệp lâu năm: (cao su, cà phê, hồ tiêu, điều… bảng 32.2). Cây cao su là cây CN hàng hóa xuất khẩu quan trọng nhất.

+ Cây CN hằng năm: Lạc, đậu tương, mía, thuốc lá….

+ Cây ăn quả nổi tiếng: Mít tố nữ, vú sữa, chôm chôm, sầu riêng…

* Nghề chăn nuôi khá phát triển, đặc biệt nuôi bò sữa; nuôi trồng và đánh bắt thủy sản cũng chiếm tỉ trọng đáng kể trong cơ cấu nông nghiệp.
* Vấn đề đặt ra: phải đẩy mạnh thâm canh, nâng cao chất lượng cây, con giống, bảo vệ môi trường khỏi sự ô nhiễm công nghiệp và đô thị.

***? Cây CN lâu năm nào chiếm dt lớn nhất? Vì sao? Cây CN đó được trồng nhiều ở vùng này?***

*(Cây cao su là cây CN trọng điểm được trồng nhiều ở ĐNB với dt là 281,3 nghìn ha năm 2002. ĐNB có một số lợi thế đặc biệt về thổ nhưỡng đất xám, đất đỏ; k/h nóng quanh năm, địa hình đồi lượn sóng với chế độ gió ôn hoà rất phù hợp với trồng cây cao su, cây cao su được đưa vào trồng ở ĐNB từ đầu thế kỉ trước, người dân có kinh nghiệp trồng và lấy mủ cao su đúng kĩ thuật, lại có nhiều cơ sở chế biến quan trọng hơn cả là thị trường tiêu thụ cao su rộng lớn và ổn định, đặc biệt là thị trường TQ, BMĩ và Liên Minh Châu Âu (EU). Gỗ cao su dùng để sx đồ dùng nội thất đem lại hiệu quả KT ).*

**Bài 36:**

**VÙNG ĐỒNG BẰNG**

**SÔNG CỬU LONG (tt)**

**Nội dung**

**IV.** **Tình hình phát triển KT**:

**1.** ***Nông nghiệp***:

Đồng bằng sông Cửu Long là vùng trọng điểm lương thực thực phẩm lớn nhất cả nước → (vùng xuất khẩu gạo chủ lực của nước ta).

+ Lúa trồng chủ yếu ở: Kiên Giang, An Giang, Long An, Đồng Tháp, Sóc Trăng, Tiền Giang. Bình quân lương thực theo đầu người toàn vùng đạt 1066,3 kg, gấp 2,3 lần cả nước (2002).

+ Mía đường, rau đậu trồng ở nhiều địa phương.

* Là vùng trồng cây ăn quả lớn nhất cả nước.
* Nghề nuôi vịt đàn phát triển mạnh.
* Đồng bằng sông Cửu Long chiếm 50% tổng sản lượng thủy sản cả nước. Nghề nuôi tôm, cá xuất khẩu phát triển mạnh.
* Nghề rừng cũng giữ vị trí rất quan trọng

**2.** ***Công nghiệp***:

* Bắt đầu phát triển.
* Các ngành công nghiệp: Chế biến lương thực thực phẩm, vật liệu xây dựng, cơ khí nông nghiệp và một số ngành khác (cơ khí, hóa chất…).
* Năm 2002, tỉ trọng sản xuất công nghiệp thấp, khoảng 20% GDP toàn vùng.
* Các cơ sở sản xuất công nghiệp tập trung tại các thành phố và thị xã, đặc biệt thành phố Cần Thơ.

**3.** ***Dịch vụ***:

- Bắt đầu phát triển.

- Gồm các ngành chủ yếu: xuất khẩu chủ lực là gạo, thuỷ sản đông lạnh.

- Giao thông đường thuỷ có vai trò quan trọng trong sx và đời sống.

- Du lịch sinh thái.

**V.** **Các trung tâm KT**:

Thành phố Cần Thơ, Mỹ Tho, Long Xuyên, Cà Mau là các trung tâm kinh tế của vùng.Thành phố Cần Thơ là trung tâm kinh tế lớn nhất.

**Bài 38:**

**PHÁT TRIỂN TỔNG HỢP KINH TẾ VÀ BẢO VỆ TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG** **BIỂN – ĐẢO**

Nội dung

**I.** **Biển và đảo VN**:

1. Vùng biển nước ta:

- Việt Nam là một quốc gia có đường bờ biển kéo dài 3260 km và một vùng biển rộng khoảng 1 triệu km2, là một phần của biển Đông.

* Có 28 tỉnh *và thành phố* giáp biển.

2. *Các đảo và quần đảo*:

- Vùng biển nước ta có hơn 4000 đảo lớn nhỏ. Các đảo lớn: Cát Bà, Cái Bầu, Bạch Long Vĩ, Cồn Cỏ, Lí Sơn, Phú uý, Côn Đảo, Thổ Chu, Phú Quốc; quần đảo: Hoàng Sa, Trường Sa.

\* Ý nghĩa:

- Vùng biển có nhiều tiềm năng phát triển tổng hợp kinh tế biển.

- Có nhiều lợi thế trong quá trình *phát triển và* hội nhập vào nền kinh tế thế giới.

- Về an ninh, quốc phòng: vị trí chiến lược rất quan trọng.

**II. Phát triển tổng hợp KT biển**:

1. *Khai thác nuôi trồng và chế biến hải sản:*

* Đây là một ngành có tiềm năng rất lớn ở nước ta: Với bờ biển dài 3260 km và vùng biển đặc quyền về kinh tế rộng hơn 1 triệu km2, số lượng giống loài hải sản lớn, trong đó có một số loài cá có giá trị kinh tế cao.
* Diện tích nước lợ khá lớn khoảng 619 000 ha mặt nước lợ phân bố từ Bắc và Nam. Các vùng này có ý nghĩa lớn về nuôi trồng hải sản.
* Cơ sở vật chất kỹ thuật của ngành hải sản không ngừng được cải thiện (tàu thuyền lớn, cơ sở chế biến được chú ý nhất)
* Tình hình phát triển: trữ lượng hải sản nước ta khoảng 4 triệu tấn, khả năng đánh bắt khoảng 1,9 triệu tấn/năm, từ năm 2000 đến nay sản lượng đánh bắt vượt 2 triệu tấn/năm và chủ yếu là đánh bắt ở ven bờ.
* Khó khăn:

Tài nguyên thuỷ hải sản có giới hạn và hiện nay đang cạn kiệt nhất là vùng biển ven bờ.

* Do đó việc phát triển đánh bắt hải sản xa bờ và đẩy mạnh nuôi trồng hải sản trên biển, ven biển, ven đảo là những yêu cầu bức thiết của ngành thuỷ hải sản.
* Nghề khơi (đánh bắt xa bờ) đòi hỏi cần có nhiều vốn, phương tiện kỹ thuật hiện đại và lao động có tay nghề cao.
* Nuôi trồng: môi trường sinh thái bị phá vỡ, tài nguyên cạn kiệt, cơ sở khoa học kỹ thuật cho nuôi trồng thuỷ sản còn thiếu.
* Công nghiệp chế biến nói chung phát triển chậm chưa đáp ứng được yêu cầu, phần lớn thuỷ hải sản xuất khẩu còn ở dạng nguyên liệu thô, do đó hiệu quả kinh tế thấp.

2*. Du lịch biển – đảo*:

* Tài nguyên du lịch biển rất phong phú từ Bắc vào Nam, do ven biển có khoảng 120 bãi cát rộng, phong cảnh đẹp, thuận lợi cho việc xây dựng các khu du lịch nghỉ dưỡng.
* Nhiều đảo ven bờ có phong cảnh kỳ thú hấp dẫn khách du lịch đặc biệt là Vịnh Hạ Long.

Tình hình phát triển:

* Hiện nay có nhiều trung tâm du lịch biển đa dạng phát triển rất nhanh thu hút rất nhiều khách trong và ngoài nước. VD: Hạ Long, Đồ Sơn, Cửa Lò, Lăng Cô, Nha Trang, Qui Nhơn, Vũng Tàu, đảo Phú Quốc.

Khó khăn:

* Hoạt động du lịch biển chưa đa dạng.
* Một số vùng biển ven bờ hiện nay có nguy cơ bị ô nhiễm.

**ĐỊA LÍ TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**Nội dung**

**I.** **Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và sự phân chia hành chính.**

1/ Vị trí và lãnh thổ:

- Nằm ở miền ĐNB (10052’ - 11030’ B)

• B giáp tỉnh BP.

• Đ giáp tỉnh ĐN.

• TB giáp tỉnh TN.

• N & TN giáp TPHCM (1 thành phố CN cảng, trung tâm VH KT phía N).

- BD nằm trong vùng KT trọng điểm phía N.

- BD có vị trí thuận lợi (thu hút đầu tư nước ngoài, trao đổi hợp tác mở rộng mối quan hệ với các tỉnh trong vùng trong và ngoài nước ) để thúc đẩy phát triển KT – XH.

- DT là 2695,54km2 (chiếm 0,83% cả nước).

\* Ý nghĩa của vị trí địa lí:

Bình Döông coù vò trí tieàm naêng quan troïng trong vieäc thuùc ñaåy phaùt trieån kinh teá - xaõ hoäi cuûa vuøng vaø cuûa caû nöôùc ,thuaän lôïi ñeå phaùt trieån kinh teá ñoái ngoaïi, xuaát nhaäp khaåu , thu huùt nhieàu ñaàu tö nöôùc ngoaøi vaø coù vò trí quan troïng veà chính trò vaø quoác phoøng.

2/ Sự phân chia hành chính:

a) Quá trình hành chính tỉnh:

- Từ TK XVII đến khi P chiếm đóng nước ta, lãnh thổ BD ngày nay đại bộ phận thuộc huyện Bình An và một phần huyện BD.

- Sau khi chiếm 3 tỉnh miền Đ, pháp thành lập địa hạt Bình An, đặt trụ sở tại TDM, sau đó thành lập địa hạt TDM, năm 1889 đổi tên thành tỉnh TDM.

- Giai đoạn 1954 – 1975 địa bàn TDM gồm 3 tỉnh: BD, BLong, và BPhước (riêng BPhước thành lập từ năm 1959 đến 1965 thì giải thể ).

- Năm 1976 tỉnh SB được thành lập gồm phần đất 3 tỉnh trên (trừ Phú Hoà Đông nay thuộc Củ Chi – TPHCM) thêm vùng đất Dĩ An và Tân Uyên (trước thuộc Thủ Đức và Biên Hoà ) với dt 9.532 km2, dsố hơn 1,1 triệu nười.

- Ngày 01/01/1997 tỉnh BD được thành lập với dt 2718.5km2 dsố 646.000 người gồm 4 đơn vị hành chính cấp huyện thị là Thị Xã TDM, huyện Thuận An, huyện Tân Uyên và huyện Bến Cát với 77 xã phường và thị trấn.

b) Các đơn vị hành chính:

**Bình Dương** có 1 thành phố TDM, 04 thị xã và 04 huyện

**II**. **Đặc điểm tự nhiên :**

1/ Địa hình

a) Những đặc điểm chính của địa hình:

địa hình bán bình nguyên, nền địa chất ổn định, vững chắc, phổ biến là những dãy đồi phù sa cổ nối tiếp nhau với độ cao trung bình 6 - 60m. Đặc biệt có một vài đồi núi thấp nhô lên giữa địa hình bằng phẳng như núi Châu Thới (cao 88m ở Dĩ An), núi Cậu (cao 230m ở Dầu Tiếng) .

b) Ảnh hưởng của địa hình:

- Địa hình cao hơn so với các tỉnh đb dhải nên k/h có sự khác biệt chút ít so với các tỉnh ít bị lũ lụt, ngập úng đe doạ.

- Địa hình tương đối bằng phẳng thuận lợi cho việc xd phát triển mạng lưới GTVT, xd CSHT, khu CN, xd hệ thống thuỷ lợi , cơ giới hoá NN, xây dựng các khu dân cư, đô thị.

2/ Khí hậu: Nhiệt đới gió mùa mang t/ch cận xđ.

- Nóng quanh năm, nh0 TB từ 26 - 270.

- Lượng mưa khá lớn, TB năm 1500 - 1800mm.

- Mỗi năm phân hoá thành 2 mùa rõ rệt. Mùa mưa từ tháng 5 → 10 và mùa khô từ tháng 11 → 4.

\* Thuận lợi:

- K/h BD tạo đkiện thuận lợi để phát triển 1 nền NN nhiệt đới toàn diện, thích hợp với các loại cây CN dài ngày, ngắn ngày, cây LTTP, cây ăn quả, chăn nuôi gia súc kém chịu lạnh, có điều kiện thâm canh tăng vụ, tăng năng suất cây trồng.

- Ít bị những hiện tượng thời tiết biến động phức tạp (bão, lũ, rét …)

- Mùa khô kéo dài, số ngày nắng cao, thuận lợi cho việc bảo quản, phơi sấy, thu hoạch các loại nông sản.

\* Khó khăn:

- Nhiệt, ẩm cao dễ làm nảy sinh sâu bệnh, dịch bệnh, gây thiệt hại cho mùa màng, gia súc.

- Những diễn biến thất thường về khí hậu, thời tiết như mưa sớm, mưa muộn, hạn hán, ngập úng, gió xoáy, gió lốc, sét… cũng gây nhiều thiệt hại cho sản xuất và đời sống

**BÀI TẬP : ÔN 2 DẠNG BT**

BÀI TẬP 3 trang 116

Bài tạp 3 trang 133

**Gv**

**Hoàng Thị Hồng Thắm**